

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTMPT

Ngày: 25- 3 -2025

V/v "Tranh chấp hợp đồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế

Ông Hoàng Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Trong các ngày 20 tháng 3 năm 2025 và ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐ - PT ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH H1

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh H - Chức vụ: Giám đốc;
Địa chỉ trụ sở và nơi thường trú: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.
Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH K

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Bạch Đ – Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ trụ sở: Số D, đường Q, tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.
Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bạch Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Giữa Công ty TNHH H1 (viết tắt Công ty H1) và Công ty TNHH K (viết tắt Công ty K) ký kết hợp đồng mua bán số **15082019/HĐKT/HHTN-DLHH** (V/v Cung cấp cửa sổ, cửa đi bằng vật liệu nhôm kính; cửa cuốn; ban công sắt) ngày 15/8/2019 kèm theo hợp đồng mua bán có bảng dự toán công trình khách sạn R phần nhôm kính theo đó Công ty K mua “Cửa sổ, cửa đi nhôm hệ X tem đỏ, nhập khẩu Q, Trung Quốc nhôm hệ AP55; cửa kính tự động, cửa cuốn khe thoáng và

các hạng mục khác được thể hiện trong bản dự toán chi tiết để phục vụ cho công trình khách sạn R 12 tầng của bên mua tại Phường T, TP T” giá trị của hợp đồng trước thuế VAT: 1.574.770.405đ (Bằng chữ: Một tỉ năm trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm bảy mươi nghìn bốn trăm linh năm đồng)”; Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B thành 3 đợt:

Đợt 1: Công ty D Hùng đồng ý đặt cọc 25% tổng giá trị hợp đồng tạm tính ngay sau khi ký hợp đồng tương đương số tiền 394.000.000đ (tiền đặt cọc này sẽ được khấu trừ vào tiền hàng trong thời gian thực hiện hợp đồng), sau 05 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

Đợt 2: Được thanh toán cho Công ty H1 35% giá trị của hợp đồng tương đương số tiền 551.000.000đ ngay sau khi Bên B tập kết sản phẩm và lắp đặt hoàn thiện cho Công ty K.

Đợt 3: Thanh toán 35% giá trị còn lại theo khối lượng thực tế ghi trong biên bản tổng nghiệm thu trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Công ty K ký biên bản nghiệm thu, bàn giao hàng hoá

Số tiền 5% giá trị sẽ được thanh toán hết thời gian bảo hành 12 tháng kể từ ngày tổng nghiệm thu bàn giao công trình.

Thời hạn thi công hợp đồng: trong vòng 60 ngày kể từ ngày Công ty K ký xác nhận bản vẽ và Công ty H1 nhận được tiền tạm ứng.

Việc ký xác nhận bản vẽ sản xuất bên B cùng bên A giải quyết nhanh gọn trong vòng 03 ngày để bên B có cơ sở cho việc sản xuất thi công kịp tiến độ bàn giao công trình.

Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty H1 đã nghiêm túc thực hiện theo đúng các cam kết trong hợp đồng, đã thực hiện lắp đặt các loại cửa và trong quá trình thi công thì có phát sinh thêm khối lượng nên nguyên đơn có trao đổi và L bảng phát sinh công trình với tổng số tiền là 1.869.184.684đ. Việc phát sinh khối lượng và bảng phát sinh đã được Công ty K xác nhận và bà Đ đã ký nhận bảng kê khối lượng vào ngày 11/12/2020, tuy nhiên sau đó bị đơn không thanh toán, nguyên đơn đã liên hệ nhiều lần nhưng bị đơn đều đưa ra các lý do, không thanh toán hàng hóa. Tính đến thời điểm khởi kiện bị đơn đã thanh toán số tiền là 1.053.000.000đ (Một tỉ, không trăm năm mươi ba triệu đồng), số tiền chưa thanh toán là: 816.184.684đ (Tám trăm mười sáu triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi bốn đồng). Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền tạm tính đến ngày 30/8/2021 là 1.108.623.724đ (trong đó tiền gốc: 816.184.684đ, tiền lãi là 292.439.040đ) và lãi suất cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn xác định: Thừa nhận có ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty H1 về việc sản xuất thi công lắp đặt khung nhôm, cửa kính tại khách sạn Galaxy River 12 tầng. Ngay sau khi ký hợp đồng, bị đơn đã tạm ứng cho nguyên đơn số tiền 1.003.000.000đ trong tổng số tiền theo hợp đồng là 1.575.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã tự ý thay đổi thiết kế, đưa nhôm kính phụ kiện đi kèm không đúng chủng loại như hợp đồng đã ký, đồng thời tự ý phát sinh một số hạng mục chưa được sự thống nhất của bị đơn. Để thanh toán hợp đồng, bị đơn đã chủ động mời ông H là đại diện theo pháp luật Công ty H1 đến để làm việc yêu cầu cung cấp toàn bộ hồ sơ để làm thủ tục

nghiệm thu thanh quyết toán hợp đồng nhưng ông H bất hợp tác, đưa những điều kiện bắt ép bị đơn thanh toán hết tất cả các khoản tiền trong hợp đồng và số tiền vượt ngoài hợp đồng chưa được thống nhất rồi mới thực hiện các nội dung theo yêu cầu của bị đơn, vì không có đủ hồ sơ, không nghiệm thu khắc phục hậu quả, giải quyết những sai phạm trong hợp đồng nên bị đơn không có cơ sở để thanh toán. Không bắt ép được bị đơn nên đến ngày 23,24, 25, 26 tháng 7 năm 2020, ông H đã tổ chức một nhóm người đi xe tải đến in băng rôn có hình ảnh cá nhân của bà treo ở xe và đến đầu lên nhà chặn hết lối ra vào công ty của bị đơn để đòi nợ theo xã hội đen, gây mất trật tự an toàn giao thông, vi phạm việc đậu đỗ xe trên vỉa hè, dưới lòng đường. Đồng thời, nguyên đơn dùng hình ảnh cá nhân của bà Đ gắn với câu khẩu hiệu đòi nợ những lời lẽ sai trái, thô tục đưa lên mạng xã hội, tiếp tục bôi nhọ, nói xấu làm mất danh dự uy tín của bị đơn, do đó phía bị đơn đã mời đại diện nguyên đơn làm việc nhưng ông H không hợp tác nên phía bị đơn đã trình báo chính quyền, công an phường T về hành vi đòi nợ theo kiểu xã hội đen của ông H, nhưng ông H vẫn ngang nhiên vi phạm. Ngày 15/9/2020 bị đơn nhận được công văn số 05 (lần 5) đề ngày 08/9/2020 của Công ty H1 về việc đề nghị thanh toán công nợ (thực tế bị đơn nhận được duy nhất công văn này) đến ngày 20/9/2020 bị đơn đã có văn bản trả lời nguyên đơn và tiếp tục đề nghị hợp tác cung cấp hồ sơ tài liệu, thực hiện thỏa thuận thống nhất những sai phạm nhưng ông H vẫn bất hợp tác, vẫn tiếp tục bắt ép bị đơn thanh toán trong khi không đủ cơ sở thanh toán. Sau đó, ngày 19 đến 28/11/2020 ông H còn tiếp tục tổ chức hai xe ô tô tải in hình ảnh của cá nhân của bà treo lên xe, đỗ chặn hết lối ra vào, cản trở các hoạt động của công ty bị đơn và đòi nợ theo kiểu xã hội đen.

Do nguyên đơn thi công nhưng chất lượng công trình chưa đảm bảo, cụ thể phụ kiện khóa cửa, mô tơ cửa cuốn, động cơ cửa cuốn, tay nắm cửa đi không đúng hàng chính hãng như trong hợp đồng và một số vị trí cửa sổ bị ngâm nước vào do đó chúng tôi đã ký kết Biên bản nghiệm thu về số lượng, tuy nhiên chưa nghiệm thu về chất lượng nên chưa tiến hành đối chiếu công nợ và giữa hai bên chưa nghiệm thu, bàn giao tài sản dẫn đến bị đơn cũng chưa thanh toán xong số tiền đã thi công, chưa chốt được công nợ. Bị đơn nhất trí về việc nguyên đơn yêu cầu trả nợ, nhưng chưa nhất trí về số tiền phải thanh toán, không nhất trí về việc nguyên đơn yêu cầu tháo dỡ toàn bộ thiết bị theo hợp đồng vì hiện nay bị đơn đã có đơn đề nghị giám đốc thẩm được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà nội có giấy biên nhận đơn ngày 30/10/2023 về việc xem xét hủy Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án Kinh doanh thương mại số 02/2023/QĐ-PT ngày 21/8/2023 và Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vì trong vụ án đó bị đơn đã yêu cầu đưa Công ty H1 vào tham gia tố tụng tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì có phần tài sản của ông H thi công chưa được bàn giao và hai bên Công ty chưa thanh toán hết cho nhau.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH H1. Buộc công ty TNHH K có trách nhiệm trả cho công ty TNHH H1 số tiền 1.255.801.915đ (Một tỷ hai trăm năm mươi năm triệu, tám trăm linh một nghìn, chín trăm mười

năm đồng). Trong đó nợ gốc 716.184.684đ (Bảy trăm mười sáu triệu, một trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm tám mươi tư đồng), nợ lãi 539.617.231đ (Năm trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm mười bảy nghìn hai trăm ba mươi một đồng).

[2]. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất của Công ty TNHH H1 đối với số tiền là 113.903.286đ (Một trăm mười ba triệu, chín trăm linh ba nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng)cáo của đương sự.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2024 (theo dấu công văn đến ngày 14/10/2024) bị đơn Công ty TNHH K – người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Bạch Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án phúc thẩm Huỷ bản án sơ thẩm số 21 ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xem xét lại trách nhiệm của Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng, nhận định thiếu công tâm, khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định chứng cứ do nguyên đơn cung cấp mà không xem xét đến chứng cứ của bị đơn cung cấp cụ thể như phụ kiện kinlong không đúng chất lượng ghi trong hợp đồng ký kết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ tại công trình để xác định chất lượng vật liệu có đúng không, mô tô của cuốn mặt trước, mặt sau không đúng chủng loại ghi trong hợp đồng, trong hợp đồng không có nội dung điều khoản đi đòi nợ căng băng rôn, khẩu hiệu đòi nợ, số tiền 1.003.000.000đồng là tạm ứng tiền vật liệu cho anh H không phải tiền quyết toán vì công trình chưa được quyết toán. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Nguyên đơn Công ty TNHH H1 người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Anh H không nhất kháng cáo của bị đơn và cho rằng: Sau khi thi công, công trình theo hợp đồng đã ký kết năm 2019 giữa Công ty H1 và công ty K đã có bản xác nhận về khối lượng vật tư đã thi công, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ cho Tòa án. Tất cả phụ kiện nhôm kính, độ dây, khoá, bản lề, chốt.. đã có biên bản bàn giao, bà Đ đã ký xác nhận và có đơn vị thứ 3 (đơn vị cung cấp vật liệu) cùng ký biên bản. Về việc phát sinh chi phí tăng thêm so với dự toán khi ký hợp đồng, Công ty TNHH H1 đã lập bảng dự toán phát sinh và được bà Đ ký xác nhận, khi đó Công ty TNHH H1 mới thi công. Theo hợp đồng có lắp 02 cửa cuốn là loại của to nhưng trong quá trình thi công phía chủ đầu tư có thay đổi thiết kế theo kích thước của 01 cửa cuốn nhỏ lại nên công ty H1 lắp đặt cửa cuốn nhỏ hơn hợp đồng ban đầu và khi quyết toán cũng theo giá của cửa cuốn nhỏ. Quan điểm của nguyên đơn đã bàn giao đầy đủ các vật tư đầu vào theo đúng hợp đồng và có biên bản nghiệm thu sản phẩm, trong biên bản ghi rõ chi tiết cụ thể các sản phẩm được lắp đặt mà bà Đ đã ký.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2024/KDTM-ST ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH K người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Bạch Đ làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 15/8/2019 giữa Công ty H1 và Công ty K ký hợp đồng mua bán số 15082019/HĐKT/HHTN-DLHH (Kèm theo hợp đồng có bảng dự toán công trình) Nội dung của hợp đồng đã ghi rõ quy định tại Điều 1 “1.1 Bên A đồng ý mua cửa sổ, cửa đi nhôm hệ Xingfa tem đỏ, nhập khẩu Q, Trung Quốc nhôm hệ AP55; cửa kính tự động, cửa cuốn khe thoáng và các hạng mục khác được thể hiện trong bản dự toán chi tiết để phục vụ cho công trình khách sạn R 12 tầng của bên mua tại Phường T, TP T. 1.2 Thông số kỹ thuật của các loại sản phẩm Bên A yêu cầu và giá cả từng loại hai bên thỏa thuận được nêu rõ trong các bản vẽ, báo giá số 06082019 ngày 06/8/2019 đã được khách hàng phê duyệt, đính kèm theo bản hợp đồng này và là bộ phận không tách rời của bản hợp đồng”. Về giá trị hợp đồng quy định tại mục 2.2 Điều 2 “Giá trị hợp đồng trước thuế VAT: 1.574.770.405đ ..”(BL 91-93). Bảng dự toán công trình khách sạn River mã DA 06082019 ngày 06/8/2019 (BL81-90) được đại diện theo pháp luật của nguyên đơn và bị đơn cùng ký xác nhận.

Ngày 11/02/2020 Công ty H1 lập bảng kê Khối lượng thi công phần nhôm kính công trình khách sạn R (BL 101-113). Ngày 13/4/2020 Công ty H1 lập bảng kê Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (Kèm theo hợp đồng mua bán số 15082019) phát sinh lần 1 đến ngày 13/2/2020 (BL 97-99); Bảng Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng lần 2 (BL 96); ngày 11/12/2020 Bảng Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng lần 2 (BL 95). Ngày 11/12/2020 Công ty TNHH H1 lập bảng kê Khối lượng phát sinh cho các hạng mục khác (gồm: I. Kính Cường Lực; II. Vách Kính và cửa thủy lực T1; III. Chợp sắt, ban công sắt, cầu thang xương cá; IV Cửa cuốn) (BL 114 -117). Tất cả các Bảng kê khối lượng thi công cũng như bản kê khối lượng phát sinh tại công trình nêu trên đều được đại diện của bị đơn ký xác nhận.

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự đã cung cấp, có đầy đủ căn cứ chứng minh các sản phẩm cung cấp để cho Công ty TNHH H1 thi công lắp đặt cho khách sạn của công ty K đều có xác nhận của bên cung cấp vật tư.

Bản án sơ thẩm xác định số tiền gốc và lãi bị đơn còn nợ nguyên đơn và buộc công ty TNHH K có trách nhiệm trả cho công ty TNHH H1 số tiền 1.255.801.915đ (Một tỷ hai trăm năm mươi năm triệu, tám trăm linh một nghìn, chín trăm mười năm đồng). Trong đó nợ gốc 716.184.684đ (Bảy trăm mười sáu triệu, một trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm tám mươi tư đồng), nợ lãi 539.617.231đ (Năm trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm mười bảy nghìn hai trăm ba mươi một đồng) là có căn cứ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn chấp nhận kháng cáo của bà Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty K, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH K phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH K, người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Bạch Đ.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2024/KDTM-ST ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Công ty TNHH K, người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Bạch Đ phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ từ số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003404 ngày 04/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP Thái Nguyên;
- THADS TP Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương